

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 41/2019/HSST

Ngày: 27-02-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Thành Dũng.

Bà Trần Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐ-HSST ngày 14-02-2019 đối với bị cáo:

PH Hữu H, sinh năm 1982 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 62 XT, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông PH Hữu H và bà Nguyễn Thị D; chưa có vợ; tiền án: Ngày 20-4-2017 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; nhân thân: Ngày 25-9-2001 Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25-12-2018 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Phan Văn N, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; anh N vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phan Anh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 4 ngõ A, đường Q, phường Q, thành phố N.

2. Anh Vũ Đức P, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 28/43 N, phường T, thành

phố N.

Anh T và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng trưa ngày 12-9-2018, PH Hữu H đi bộ lang thang mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến ngách 53/124 Trần Huy Liệu thì phát hiện một ngôi nhà đang xây dở, anh Phan Văn N có dựng chiếc xe máy Wave RSX màu đỏ đen biển kiểm soát 18N1-7549 sát bờ tường đối diện nhà đang xây, đầu xe hướng vào trong ngách 53 đuôi xe hướng ra ngõ 124 Trần Huy Liệu, thành phố N. H đi vào trong ngôi nhà đang xây thấy anh N và mẹ đẻ là bà Tô Thị Đ đang ngủ, anh N có để chiếc điện thoại Nokia 1280 và một chùm chìa khóa ở đầu giường. H đi đến lấy chiếc điện thoại và chùm chìa khóa và dùng chìa khóa mở được khóa điện chiếc xe máy biển kiểm soát 18N1-7549 rồi nổ máy điều khiển xe chạy vào trong ngách 53 tẩu thoát. Chiếc điện thoại Nokia 1280 đã cũ, sau đó H đã vất đi.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H gọi điện cho anh Phan Anh T, sinh năm 1982, trú tại số 4 ngõ A, phường Q, thành phố N nói có chiếc xe mượn của anh trai, đăng ký xe anh trai giữ, muốn cầm cố, T đồng ý. Sau đó, T cho H vay 2.000.000 đồng. H viết giấy vay tiền của T ghi là Phạm Văn H ở 188/192 Trần Huy Liệu. Anh T sử dụng chiếc xe biển kiểm soát 18N1-7549 làm phương tiện đi lại, đến đầu tháng 11-2018 do không có tiền nên T điều khiển xe đến nhà anh Vũ Đức P, sinh năm 1991, địa chỉ 28/43 Nguyễn Khuyến, phường Trường Thi, thành phố N đặt vấn đề vay 3.000.000 đồng và để chiếc xe máy biển kiểm soát 18N1-7549 làm tin và nói với anh P là xe của bạn, giấy tờ xe anh trai người bạn đang giữ, P đồng ý cho T vay 3.000.000 đồng.

Ngay sau khi bị mất tài sản anh Phan Văn N đã đến Phòng hình sự Công an tỉnh Nam Định trình báo. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã thu giữ ở nhà anh Vũ Đức P chiếc xe biển kiểm soát 18N1-7549. Ngày 25-12-2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phùng Hữu H về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại cơ quan điều tra, Phùng Hữu H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự đã định giá chiếc xe máy biển kiểm soát 18N1-7549 trị giá 6.500.000 đồng. Đối với chiếc điện thoại Nokia 1280 Cơ quan điều tra không thu giữ được, không có cơ sở tiến hành định giá. Sau đó Cơ quan Công an đã trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát 18N1-7549 cho anh N, anh N nhận và không có ý kiến gì khác.

Bản cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 29-01-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Phùng Hữu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phùng Hữu H xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình. Bị cáo khai vào khoảng trưa ngày 12-9-2018, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy biển kiểm soát 18N1-7549 trị giá 6.500.000 đồng của anh Phan Văn N và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới; ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phan Anh T và anh Vũ Đức P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng; anh P cũng không yêu cầu T phải trả 3.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phùng Hữu H theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phùng Hữu H “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo tù 18 tháng đến 21 tháng tù giam.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Phùng Hữu H có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đơn trình báo của bị hại; biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; lời khai của những người làm chứng nên đã có đủ cơ sở kết luận khoảng trưa ngày 12-9-2018, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 18N1-7549 trị giá 6.500.000 đồng của anh Phan Văn N tại khu vực ngách 53/124 Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, thành phố N. Hành vi phạm tội của bị

cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố N; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì lòng tham bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại để cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại có giá trị trên 2.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại phạm tội tiếp nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại là anh Phan Văn N đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy biển kiểm soát 18N1-7549 và chiếc điện thoại Nokia 1280 anh N không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng anh Phan Anh T cầm cố chiếc xe máy biển kiểm soát 18N1-7549 cho bị cáo và số tiền 3.000.000 đồng anh Vũ Đức P cầm cố lại chiếc xe máy cho anh T, xét thấy anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường và anh P cũng không yêu cầu anh T phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Phùng Hữu H bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

2. Tuyên bố bị cáo Phùng Hữu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phùng Hữu H 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 25-12-2018.

3. Án phí: Bị cáo Phùng Hữu H phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phùng Hữu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Phan Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Phan Anh T và anh Vũ Đức P có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục Thi hành án TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên

